

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/02/2025

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Triết Minh**;

2. Ông **Huỳnh Văn Tý**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Quang Trực** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2024, về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Kim N**, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ G, ấp L, xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0975268597

2. Bị đơn: Anh **Bùi Thanh S**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 033386364

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N trình bày: Tôi

với anh S tự tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến tới chung sống từ năm 2019, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 18/02/2020. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 4/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không chí thú làm ăn, gây nợ nần, vợ chồng không còn tin tưởng nhau và thường xuyên cự cãi. Tôi đã cho anh S nhiều cơ hội sửa đổi để vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Bùi Thanh S. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Bùi Tuệ N1, sinh ngày 08/4/2020 (hiện đang sống với mẹ). Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Thanh S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Bùi Thanh S nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh S đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của anh S.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị N, anh S tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2024 của người làm chứng bà Phan Thị C thể hiện: “Nguyên, S chung sống từ năm 2019 do tự tìm hiểu khoảng 02 năm thì có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 18/02/2020. Sau khi kết hôn thì vợ chồng N, S đi làm ở Bình Dương, khi N có thai thì N về nhà mẹ, do mẹ của N cũng phải đi làm xa nên tôi là người trực tiếp chăm sóc N đến khi Nguyên sinh con, sau khi xuất viện thì N chỉ ở nhà chồng được 12 ngày thì cũng ôm cháu N1 về tôi chăm sóc cho đến nay. Vợ chồng N, S mâu thuẫn từ tháng 4/2021 khi ở trên Bình Dương, chủ yếu do S không chí thú làm ăn, lêu lổng, chơi bời, gây nợ nần nhiều lần N phải đứng ra trả thay S, nhiều S lần cầm xe, điện thoại khi N hỏi thì chối nói công an bắt xe, điện thoại đi sửa,... Từ đó vợ chồng N, S không còn tin tưởng nhau, hay cự cãi, có nhiều lần S có những tin nhắn xúc phạm Nguyên. Qua dịch C1- 19 (tháng 10/2021) N dẫn con về quê và gửi cháu N1 cho tôi chăm sóc, còn N thì đi làm ở L cuối tuần về thăm con cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì tôi thấy S cũng có tới lui thăm con nhưng hoàn toàn không chu cấp cho con bất cứ số tiền nào. Nguyên phải một mình đi làm lo cho con.”

Tại phiên tòa: Chị Huỳnh Thị Kim N có mặt; bị đơn anh Bùi Thanh S vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh S. Về con chung: Giao 01 con chung tên Bùi Tuệ N1, sinh ngày 08/4/2020 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Bùi Thanh S cư trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa hôm nay anh S vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N chung sống với anh Bùi Thanh S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 18/02/2020. Do vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Sau khi kết hôn, chị N và anh S có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 04/ 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, anh S không quan tâm vợ con, không lo cho kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù chị N đã cho anh S nhiều cơ hội sửa đổi nhưng vẫn không đạt kết quả. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng đầu năm 2024 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh S có nhận thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa để tham dự các phiên hòa giải cũng như xét xử, không gửi tờ tự khai thể hiện ý kiến của mình là mặc nhiên thừa nhận có sự mâu thuẫn giữa vợ chồng và không có ý muốn hàn gắn. Do đó chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh S.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ chị N cung cấp thì chị Huỳnh Thị Kim N và anh Bùi Thanh S có 01 con chung tên Bùi Tuệ N1, sinh ngày 08/4/2020 hiện đang sống với chị N. Kết quả xác minh thể hiện bản thân chị N đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung và cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị N về con chung. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Bùi Tuệ N1, sinh ngày 08/4/2020 cho chị Huỳnh Thị Kim N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nghi thành N2 (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của cháu; Chị N phải tạo điều kiện cho anh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh S có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản:

[2.4.1] Về tài sản chung: Chị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4.2] Về nợ chung: Chị N trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim N được ly hôn với anh Bùi Thanh S.

2. Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Kim N được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Tuệ N1, sinh ngày 08/4/2020; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Huỳnh Thị Kim N không yêu cầu. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Kim N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Kim N trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0021418 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Huỳnh Thị Kim N đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Bùi Thanh S không phải chịu án phí.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn anh Bùi Thanh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi anh Bùi Thanh S cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh, h. Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

